

Số: 25 /2016/CBTT-TCKT
(V/v : Công bố thông tin BCTC hợp
nhất sau kiểm toán năm 2015)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán : **S 99**
3. Trụ sở chính: **T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495** Fax: **(84.4) 3 768 4490**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần SCI được kiểm toán ký ngày 28/03/2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, HCNS

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Thanh Hùng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

A member of  International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-48

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Tiến Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 24/12/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 24/12/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Nguyễn Văn Độ	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 14/11/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2015
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Lương Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1



CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		640.034.028.945	164.371.581.898
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.717.881.915	15.006.939.754
111	1. Tiền		32.717.881.915	15.006.939.754
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	197.273.062.978	22.244.467.955
121	1. Chứng khoán kinh doanh		205.817.372.392	22.618.158.788
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.794.309.414)	(373.690.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		272.898.223.429	101.360.257.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	169.648.675.694	69.568.551.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.719.089.882	4.443.710.344
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	95.753.983.305	33.884.249.640
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.223.525.452)	(6.536.253.355)
140	IV. Hàng tồn kho	9	131.028.012.622	22.800.066.002
141	1. Hàng tồn kho		131.049.050.154	22.800.066.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.116.848.001	2.959.850.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	814.073.323	297.899.770
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.302.774.678	2.661.950.595
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		213.081.609.218	48.034.244.246
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.613.353.500	-
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.385.353.500	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	228.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		96.516.968.546	36.220.185.883
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	96.395.093.587	14.246.018.556
222	- Nguyên giá		173.846.712.595	70.281.803.891
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.451.619.008)	(56.035.785.335)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	121.874.959	21.974.167.327
228	- Nguyên giá		342.500.000	22.182.292.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.625.041)	(208.125.037)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	4.525.229.151
231	- Nguyên giá		-	4.987.974.818
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(462.745.667)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		27.365.439.011	6.231.781.409
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	27.365.439.011	6.231.781.409
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	80.550.000.000	550.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.550.000.000	550.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.035.848.161	507.047.803
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.035.848.161	507.047.803
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		853.115.638.163	212.405.826.144

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		364.717.240.654	56.039.235.612
310	I. Nợ ngắn hạn		253.206.869.403	56.039.235.612
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	42.535.354.454	3.679.264.649
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.886.940.183	3.549.591.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	11.610.173.332	11.769.455.519
314	4. Phải trả người lao động		16.745.494.772	6.644.342.584
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.308.567.379	7.038.704.592
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	33.063.031.662	4.240.392.736
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	99.467.812.298	18.581.907.262
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	512.783.432
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.589.495.323	22.793.826
330	II. Nợ dài hạn		111.510.371.251	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	56.815.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	108.524.460.928	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.a	2.929.095.323	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		488.398.397.509	156.366.590.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	488.398.397.509	156.366.590.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		370.000.000.000	124.969.290.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		370.000.000.000	124.969.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	6.050.945.031
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.166.320.441	24.364.189.501
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		19.910.709.704	2.952.769.217
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		28.255.610.737	21.411.420.284
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.057.824.009	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		853.115.638.163	212.405.826.144


Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	124.707.077.840	114.245.725.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	1.928.451.071
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.707.077.840	112.317.274.752
11	4. Giá vốn hàng bán	22	118.752.320.254	80.900.137.015
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.954.757.586	31.417.137.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	72.653.925.797	8.413.626.212
22	7. Chi phí tài chính	24	47.578.870.543	4.268.292.929
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.122.710.343	1.537.802.683
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		8.181.818	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.468.908.841	15.133.167.621
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.552.722.181	20.429.303.399
31	12. Thu nhập khác	26	30.690.120.854	24.270.068.932
32	13. Chi phí khác	27	9.079.919.698	17.085.503.291
40	14. Lợi nhuận khác		21.610.201.156	7.184.565.641
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.162.923.337	27.613.869.040
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	4.795.876.343	6.202.448.756
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	2.929.095.323	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.437.951.671	21.411.420.284
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		28.255.610.737	21.411.420.284
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		182.340.934	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	967	1.713


Quách Thị Thanh Thủy
Người lập


Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng


Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		36.162.923.337	27.613.869.040
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		(6.399.100.984)	5.529.389.617
03	- Các khoản dự phòng		7.990.338.847	(3.994.594.073)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.519.087.033)	(6.907.929.758)
06	- Chi phí lãi vay		5.122.710.343	1.537.802.683
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.357.784.510	23.778.537.509
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(61.449.132.673)	10.185.038.259
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.811.906.991)	4.706.684.195
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		31.079.844.652	(14.503.582.234)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.216.935.143	1.039.351.306
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(149.532.857.404)	(16.524.828.126)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.792.373.337)	(1.537.802.683)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.646.211.226)	(1.659.608.991)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		152.500.000	647.279.245
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(280.100.000)	(471.787.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(168.705.517.326)	5.659.280.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.558.930.160)	(4.238.039.590)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		56.264.395.415	16.326.476.817
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	(54.390.979.197)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	37.866.151.071
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(144.436.775.222)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.345.460.602	513.550.748
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(122.385.849.365)	(3.922.840.151)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		245.030.710.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		162.872.540.608	19.690.516.842
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(99.100.941.756)	(30.467.820.714)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>308.802.308.852</i>	<i>(10.777.303.872)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.710.942.161	(9.040.863.143)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.006.939.754	24.047.802.897
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>32.717.881.915</u>	<u>15.006.939.754</u>

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 370.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.



Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, lợi nhuận thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh có sự sụt giảm mặc dù doanh thu tăng là do hầu hết các công trình xây dựng của Công ty mẹ đang trong giai đoạn quyết toán đợt cuối, có sự điều chỉnh về giá trị công trình sau quyết toán.

Tuy nhiên, lợi nhuận khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lại tăng đột biến là do Công ty mẹ đang từng bước thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015. Theo đó Công ty sẽ đầu tư góp vốn vào các công ty để chi phối, sáp nhập, liên kết, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác thông qua đầu tư để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và nhận chuyển nhượng vốn góp và quyền góp vốn tại Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An để nắm quyền kiểm soát do đó Báo cáo kết quả kinh doanh được hợp nhất với kết quả kinh doanh của các Công ty con từ thời điểm nắm quyền kiểm soát. Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 vẫn đang hoạt động bình thường và không có các biến động lớn trong năm tuy nhiên Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An đang trong giai đoạn thực hiện dự án công trình thủy điện Canan nên vẫn chưa phát sinh doanh thu và chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Tổng số Công ty con: 02 Công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: Không có
- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

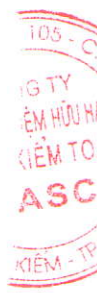
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này .

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm kế toán	20 năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.074.159.430	2.636.752.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.643.722.485	12.370.187.106
	<u>32.717.881.915</u>	<u>15.006.939.754</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	250.000.000	250.000.000	-	-
	<u>250.000.000</u>	<u>250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng từ 06/05/2015 đến 06/05/2016. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	205.817.372.392	242.269.913.500	(8.794.309.414)	22.618.158.788	22.244.467.955	(373.690.833)
GEX	106.786.671.886	138.690.000.000	-	-	-	-
PCT	18.212.390.992	23.717.570.000	-	-	-	-
SDA	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)	-	-	-
STG	26.271.046.600	34.109.390.000	-	-	-	-
VHG	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)	-	-	-
Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng - Tiền đầu tư	-	-	-	20.015.000.000	20.015.000.000	-
Cổ phiếu khác	5.480.462.914	4.678.592.500	(801.870.414)	2.603.158.788	2.229.467.955	(373.690.833)
	205.817.372.392	242.269.913.500	(8.794.309.414)	22.618.158.788	22.244.467.955	(373.690.833)

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các khoản chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường lần lượt tại thời điểm 31/12/2015 và 01/01/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	13.000.000.000	-	-	-
- Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	-	-	-
	80.550.000.000	-	550.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần SCI là 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.407.291.679	-
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.598.923.915	21.700.960.565
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	8.901.147.230	10.613.192.192
- VPĐD Tổng Công ty Sông Đà - BDH dự án Thủy điện Lai Châu	27.486.125.562	6.019.239.899
- Công ty CP Licogi 13	15.643.046.996	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	84.612.140.312	31.235.158.537
	169.648.675.694	69.568.551.193

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh (*)	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 04/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm.

1105 -
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM T
AAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.222.222	-	-	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	7.604.700	-	-	-
- Tạm ứng	22.913.460.736	-	20.190.550.996	-
- Ký cược, ký quỹ	1.016.000.000	-	1.016.000.000	-
- Phải thu tiền bán cổ phiếu	49.371.276.750	-	-	-
- Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	13.787.751.851	-	4.871.932.619	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Gia Hưng	95.117.575	-	7.586.464.403	-
- Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.166.850.555	-	-	-
- Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động tại CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	811.721.694	-	-	-
- Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	-	-
- Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	381.192.683	-	-	-
- Phải thu các đội thi công của Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	2.255.563.165	-	-	-
- Phải thu khác	2.636.071.374	(28.311.032)	219.301.622	-
	95.753.983.305	(28.311.032)	33.884.249.640	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	228.000.000	-	-	-
	228.000.000	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	16.344.249.669	9.120.724.217	16.860.034.611	10.323.781.256
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	12.373.818.927	8.661.673.249	12.373.818.927	9.526.706.204
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	-	-
- Công ty CAVICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	-	-
- Các khoản khác	3.634.141.190	459.050.968	4.486.215.684	797.075.052
	16.344.249.669	9.120.724.217	16.860.034.611	10.323.781.256

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.374.339.742	(21.037.532)	4.305.718.564	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	116.674.710.412	-	18.494.347.438	-
- Công trình Bệnh viện Việt Tiệp	-	-	693.442.909	-
- Công trình thủy điện Lai Châu	17.171.525.265	-	8.507.232.436	-
- Công trình QL1 - Phú Yên	11.842.870.189	-	-	-
- Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	14.605.457.085	-	-	-
- Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	26.191.664.095	-	-	-
- Hàng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	24.492.071.707	-	-	-
- Công trình thủy điện Phình Hồ	-	-	3.228.165.493	-
- Các công trình khác	22.371.122.071	-	6.065.506.600	-
	131.049.050.154	(21.037.532)	22.800.066.002	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.939.574.871	6.031.781.409
- Dự án Thủy điện Phình Hồ (1)	-	4.038.039.590
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chua - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh (2)	1.993.741.819	1.993.741.819
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	-
- Dự án công trình Thủy điện Canan (3)	19.731.925.831	-
Nâng cấp tài sản cố định	2.939.971.140	-
Mua sắm tài sản cố định	390.000.000	-
- Ô tô tải có cần cẩu Hyundai	390.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.095.893.000	200.000.000
- Máy móc thiết bị	30.000.000	200.000.000
- Xe ô tô tại công trình	1.065.893.000	-
	27.365.439.011	6.231.781.409

(1) Dự án thủy điện Phình Hồ được khởi công xây dựng từ năm 2007 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 133,77 tỷ đồng (theo đơn giá năm 2007), thời gian thi công dự kiến là 03 năm từ năm 2007. Dự án đã được Công ty chuyển nhượng theo Nghị quyết số 78a/2015-HĐQT-NQ ngày 24/10/2015.

(2) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chua được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2015, dự án vẫn đang tạm dừng để chờ các quyết định phê duyệt dự án cũng như phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

(3) Dự án công trình thủy điện Canan do công ty TNHH Năng lượng Sovico - Nghệ An là chủ đầu tư. Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 4586247383 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2009, chứng nhận lần hai ngày 03 tháng 11 năm 2015 dự án có tổng mức đầu tư là 367.683.000.000 đồng, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động từ Quý II năm 2017. Tới thời điểm 31/12/2015 dự án đã phát sinh các chi phí liên quan tới tư vấn, thiết kế và làm đường đi vào nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.684.331.635	32.091.879.638	30.107.399.244	398.193.374	70.281.803.891
- Mua trong năm	-	26.563.363.226	8.869.068.946	47.654.545	35.480.086.717
- Tặng do hợp nhất công ty con	11.221.128.927	51.289.945.922	37.248.995.238	327.732.372	100.087.802.459
- Tặng do nâng cấp tài sản	-	-	224.000.000	-	224.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(7.684.331.635)	(7.663.636.364)	(16.769.360.973)	(109.651.500)	(32.226.980.472)
Số dư cuối năm	11.221.128.927	102.281.552.422	59.680.102.455	663.928.791	173.846.712.595
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	471.456.704	28.719.634.001	26.522.480.199	322.214.431	56.035.785.335
- Khấu hao trong năm	199.078.096	4.081.372.585	2.753.982.606	40.416.194	7.074.849.481
- Tặng do hợp nhất công ty con	6.166.976.736	19.711.944.480	12.712.660.786	232.080.209	38.823.662.211
- Thanh lý, nhượng bán	(591.498.360)	(7.063.051.064)	(16.769.360.973)	(58.767.622)	(24.482.678.019)
- Tặng/Giảm khác do phân loại lại	(8.904.384)	8.904.384	-	-	-
Số dư cuối năm	6.237.108.792	45.458.804.386	25.219.762.618	535.943.212	77.451.619.008
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.212.874.931	3.372.245.637	3.584.919.045	75.978.943	14.246.018.556
Tại ngày cuối năm	4.984.020.135	56.822.748.036	34.460.339.837	127.985.579	96.395.093.587

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 71.968.283.442 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.880.503.115 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.839.792.364	92.500.000	250.000.000	22.182.292.364
- Thanh lý, nhượng bán	(21.839.792.364)	-	-	(21.839.792.364)
Số dư cuối năm	-	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	92.500.000	115.625.037	208.125.037
- Khấu hao trong năm	-	-	12.500.004	12.500.004
Số dư cuối năm	-	92.500.000	128.125.041	220.625.041
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.839.792.364	-	134.374.963	21.974.167.327
Tại ngày cuối năm	-	-	121.874.959	121.874.959

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	155.387.034	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.694.774	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	640.991.515	297.899.770
	814.073.323	297.899.770
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.574.337.394	-
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	401.765.833	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	972.222.601	456.399.553
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.522.333	50.648.250
	6.035.848.161	507.047.803

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 704	790.894.638	790.894.638	-	-
- Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	1.157.741.200	1.157.741.200	-	-
- Xí nghiệp Sông Đà 10.6	-	-	500.000.000	500.000.000
- Công ty CP DVC Việt Nam	8.734.221.171	8.734.221.171	-	-
- Công ty TNHH Đại Minh	4.832.027.136	4.832.027.136	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	27.020.470.309	27.020.470.309	3.179.264.649	3.179.264.649
	42.535.354.454	42.535.354.454	3.679.264.649	3.679.264.649

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số tăng trong năm (*)	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.570.020.111	2.784.243.311	7.089.338.528	-	264.924.894
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.199.435.408	9.158.921.809	5.646.211.226	-	10.712.145.991
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	989.416.314	754.213.565	-	235.202.749
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	286.759.450	-	-	286.759.450
Các loại thuế khác	-	-	9.190.507	4.000.000	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.146.450.864	3.040.501.123	-	105.949.741
	-	11.769.455.519	16.374.982.255	16.534.264.442	-	11.610.173.332

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Trong đó tổng số thuế phải nộp trong năm là 8.332.122.033 đồng và số tăng do hợp nhất Công ty con là 8.042.860.222 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	350.036.487	19.699.481
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình, thuê ca máy	2.141.744.445	6.744.349.811
- Chi phí phải trả khác	346.700.530	274.655.300
	3.308.567.379	7.038.704.592

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	400.381.977	488.534.257
- Bảo hiểm xã hội	375.391.891	1.128.220.341
- Bảo hiểm y tế	9.142.610	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.260.000	-
- Phải trả vật tư tạm nhập trong năm	1.024.496.181	-
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.782.722	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	831.298.041	356.398.041
- Phải trả tiền mua quyền mua cổ phiếu	17.450.909.300	-
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	8.012.447.697	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.857.482.664	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.077.438.579	2.267.240.097
	33.063.031.662	4.240.392.736
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	-
	56.815.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	18.581.907.262	18.581.907.262	168.468.134.580	96.572.941.756	90.477.100.086	90.477.100.086
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thăng Long	17.554.000.942	17.554.000.942	8.475.500.947	26.029.501.889	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Mỹ Đình	1.027.906.320	1.027.906.320	-	1.027.906.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	-	-	130.179.440.348	49.595.657.337	80.583.783.011	80.583.783.011
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	-	-	21.664.387.758	11.771.070.683	9.893.317.075	9.893.317.075
- Công ty Cổ phần chứng khoán IB	-	-	8.119.205.527	8.119.205.527	-	-
- Công ty tài chính CP Sông Đà	-	-	29.600.000	29.600.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	8.990.712.212	-	8.990.712.212	8.990.712.212
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	-	-	7.620.512.212	-	7.620.512.212	7.620.512.212
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	-	-	1.370.200.000	-	1.370.200.000	1.370.200.000
	18.581.907.262	18.581.907.262	177.458.846.792	96.572.941.756	99.467.812.298	99.467.812.298



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	-	-	37.910.800.140	5.395.627.000	32.515.173.140	32.515.173.140
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Chương Dương	-	-	2.528.000.000	2.528.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	-	-	30.634.100.140	2.317.877.000	28.316.223.140	28.316.223.140
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	-	-	4.541.500.000	342.550.000	4.198.950.000	4.198.950.000
- Công ty tài chính CP Sông Đà	-	-	207.200.000	207.200.000	-	-
Trái phiếu thường (*)	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	-	-	122.910.800.140	5.395.627.000	117.515.173.140	117.515.173.140
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(8.990.712.212)	-	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			108.524.460.928	108.524.460.928

(*) Trong năm Công ty phát hành 85 trái phiếu tại ngày 25/12/2015 với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây			80.583.783.011	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/283367/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 là 8,3%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	80.583.783.011	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh			9.893.317.075	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTD.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 từ 8,2%/năm đến 8,7%/năm	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	9.893.317.075	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
	Tổng cộng			90.477.100.086	



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			28.316.223.140	7.620.512.212	
	HĐTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	89.000.000	89.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HĐTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.395.000.000	1.395.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011
	HĐTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	300.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.937.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2014/283367/HĐTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.095.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.354.400.000	838.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 04/2014/283367/HĐTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.790.000.000	1.443.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HĐTD số 01/2015/283367/HĐTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	758.000.000	192.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.510.165.250	355.332.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

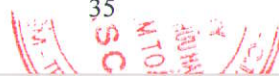
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			28.316.223.140	7.620.512.212	
	HỆTD số 02/2015/283367/HỆTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	7.132.014.114		Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	HỆTD số 03/2015/283367/HỆTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.661.656.000	614.980.212	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2
	Bảng kê rút vốn ngày 30/11/2015 của BIDV.	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	293.700.000		Thanh toán tiền mua máy phát điện 375 KVA, và 60 KVA.
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			4.198.950.000	1.370.200.000	
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14082 ngày 22/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	457.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.077.700.000	287.200.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14102 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.298.250.000	577.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14108 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	527.500.000	208.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HỆTD số 15189/TH.HỆTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	838.000.000	176.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1
	Tổng cộng			32.515.173.140	8.990.712.212	



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.969.290.000	982.166.000	7.626.567.903	3.865.479.071	-	137.443.502.974
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.411.420.284	-	21.411.420.284
Phân phối lợi nhuận	-	-	395.147.080	(912.709.854)	-	(517.562.774)
Giảm khác	-	-	(1.970.769.952)	-	-	(1.970.769.952)
Số dư cuối năm trước	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Số dư đầu năm nay	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Tăng vốn trong năm nay (*)	245.030.710.000	-	-	-	-	245.030.710.000
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	60.939.727.605	60.939.727.605
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.255.610.737	182.340.934	28.437.951.671
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	-	(1.070.571.014)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(1.174.900.000)	-	(1.174.900.000)
Giảm khác	-	-	-	(66.866.755)	(64.244.530)	(131.111.285)
Số dư cuối năm nay	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509

(*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 24.503.071 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 245.030.710.000 đồng. Số cổ phiếu chào bán thành công được chính thức giao dịch từ ngày 03/06/2015 theo Thông báo số 528/TB-SGDHN ngày 25/05/2015, căn cứ Quyết định số 285/QĐ-SGDHN ngày 19/05/2015 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung Cổ phiếu của Công ty Cổ phần SCI.

Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu được thông qua theo Nghị quyết số 15/S99-HĐQT-NQ ngày 07/04/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, bao gồm:

- Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có tiềm năng;
- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu của Công ty;
- Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu đến ngày 31/12/2015 của Công ty như sau:

Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn			Kết quả sử dụng vốn	
	Chi tiết	Số dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng		Số tiền chưa sử dụng
Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có ngành nghề tương đồng nhằm nâng cao qui mô, năng lực và hiệu quả hoạt động;	Đầu tư mua trên 5% cổ phần của CTCP Fecon để trở thành cổ đông lớn	40.000.000.000	37.000.000.000	3.000.000.000	Đã đạt mục tiêu sử dụng vốn đề ra. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 51% cổ phần CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (Sicco) để trở thành Công ty mẹ	65.000.000.000	62.056.250.000	2.943.750.000	Đã đạt mục tiêu sử dụng vốn đề ra. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 20% cổ phần CTCP Dịch vụ vận tải và Dịch vụ Điện lực để trở thành Công ty liên kết	20.000.000.000	18.048.000.000	1.952.000.000	Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 20% cổ phần Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia (Suleco) để trở thành Công ty liên kết	25.000.000.000	20.072.350.000	4.927.650.000	Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu hoạt động của Công ty	Danh mục đầu tư máy móc thiết bị do HĐQT Công ty quyết định	40.000.000.000	20.878.111.541	19.121.888.459
Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty		55.030.710.000	83.941.512.894	(28.910.802.894)	Phần vốn đầu tư còn lại sau khi đã thực hiện các mục tiêu trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động
Cộng		245.030.710.000	241.996.224.435	3.034.485.565	Số dư chưa sử dụng đang được theo dõi trên tài khoản tiền gửi của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	21.411.420.284
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	2.141.142.028
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.070.571.014
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	18.199.707.242

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	370.000.000.000	100,00%	124.969.290.000
	100%	370.000.000.000	100%	124.969.290.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	370.000.000.000	124.969.290.000
- Vốn góp đầu năm	124.969.290.000	124.969.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	245.030.710.000	-
- Vốn góp cuối năm	370.000.000.000	124.969.290.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	6.050.945.031
	8.192.087.059	6.050.945.031

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
 Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	109.581.768.008	114.023.750.096
Doanh thu bán hàng hóa	5.975.458.151	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.149.851.681	221.975.727
	124.707.077.840	114.245.725.823

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	1.928.451.071
	-	1.928.451.071

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	104.721.297.282	80.900.137.015
Giá vốn hàng hóa đã bán	5.774.779.908	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.256.243.064	-
	118.752.320.254	80.900.137.015

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	452.804.330	513.550.748
Lãi bán các khoản đầu tư	70.289.621.467	7.900.075.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.911.500.000	-
	72.653.925.797	8.413.626.212

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.122.710.343	1.537.802.683
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	33.142.555.908	2.668.212.523
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.420.618.581	-
Chi phí tài chính khác	892.985.711	62.277.723
	47.578.870.543	4.268.292.929

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.023.563.685	1.878.464.398
Chi phí nhân công	5.074.461.501	8.331.167.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	919.725.335	981.055.225
Thuế, phí, lệ phí	102.144.093	144.513.434
Chi phí dự phòng	82.503.698	9.133.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.408.406.207	749.405.150
Chi phí khác bằng tiền	5.858.104.322	3.039.427.975
	16.468.908.841	15.133.167.621

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.154.782.703	8.892.727.272
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	512.783.432	-
Cho thuê văn phòng và tiền điện	679.124.251	-
Chuyển nhượng dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	163.636.364	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	13.528.016.924	-
Hoàn nhập chi phí công trình Phình Hồ	-	7.266.205.083
Chuyển nhượng dự án đất Tân Vạn	46.867.055	7.433.749.545
Thu nhập khác	338.705.042	677.387.032
	30.690.120.854	24.270.068.932

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	11.683.387.314
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	679.124.252	-
Chi phí dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Thuế bị truy thu	486.967.157	-
Các khoản bị phạt	93.319.360	-
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất nhượng bán	269.931.818	-
Chi phí đầu tư dự án đất Tân Vạn	-	3.480.573.434
Chi phí khác	284.372.028	1.921.542.543
	9.079.919.698	17.085.503.291

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

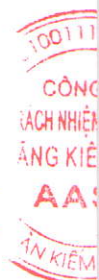
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.559.804.401	23.660.692.929
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	4.663.190.177	5.332.750.012
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	75.765.531	1.970.769.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.329.736.664	685.825.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do hợp nhất Công ty con	4.287.279.935	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.778.327.448)	(1.659.608.991)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	10.577.644.859	6.329.736.664
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	603.118.936	3.953.176.111
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	132.686.166	869.698.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	869.698.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(867.883.778)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	134.501.132	869.698.744
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.795.876.343	6.202.448.756
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	10.712.145.991	7.199.435.408

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.929.095.323	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.929.095.323	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.929.095.323	-
	2.929.095.323	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.255.610.737	21.411.420.284
Các khoản điều chỉnh	(1.457.507.521)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	(884.042.649)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty con	(573.464.872)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.798.103.216	21.411.420.284
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.710.374	12.496.929
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	967	1.713

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.594.759.688	37.355.670.085
Chi phí nhân công	27.005.371.132	35.927.224.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.128.915.940	5.529.389.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.994.116.917	11.141.805.034
Chi phí khác bằng tiền	39.541.748.141	9.300.488.467
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	180.264.911.818	99.254.577.427

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.717.881.915	-	15.006.939.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	265.630.658.999	(5.931.065.452)	103.452.800.833	(6.536.253.355)
Các khoản cho vay	2.250.000.000	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	205.817.372.392	(8.794.309.414)	22.618.158.788	(373.690.833)
Đầu tư dài hạn	80.550.000.000	-	550.000.000	-
Tổng tài sản tài chính	586.965.913.306	(14.725.374.866)	141.627.899.375	(6.909.944.188)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	207.992.273.226	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	75.655.201.116	7.919.657.385
Chi phí phải trả	3.308.567.379	7.038.704.592
	286.956.041.721	33.540.269.239

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.717.881.915	-	-	32.717.881.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	259.471.593.547	228.000.000	-	259.699.593.547
Các khoản cho vay	2.250.000.000	-	-	2.250.000.000
Chứng khoán kinh doanh	197.023.062.978	-	-	197.023.062.978
Đầu tư dài hạn	-	80.550.000.000	-	80.550.000.000
	491.462.538.440	80.778.000.000	-	572.240.538.440
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.006.939.754	-	-	15.006.939.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.916.547.478	-	-	96.916.547.478
Chứng khoán kinh doanh	22.244.467.955	-	-	22.244.467.955
Đầu tư dài hạn	-	550.000.000	-	550.000.000
	134.167.955.187	550.000.000	-	134.717.955.187

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	99.467.812.298	108.524.460.928	-	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	75.598.386.116	56.815.000	-	75.655.201.116
Chi phí phải trả	3.308.567.379	-	-	3.308.567.379
	178.374.765.793	108.581.275.928	-	286.956.041.721

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tại ngày 01/01/2015

Vay và nợ	18.581.907.262	-	-	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	7.919.657.385	-	-	7.919.657.385
Chi phí phải trả	7.038.704.592	-	-	7.038.704.592
	33.540.269.239	-	-	33.540.269.239

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.352.176.079	1.294.613.451

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty thực hiện hợp nhất số liệu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam kiểm toán, và được Công ty trình bày lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Vì vậy, không thể so sánh số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán với số liệu đầu năm, cũng như không thể so sánh số liệu năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số liệu năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được Công ty trình bày lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
121	1. Đầu tư ngắn hạn	22.618.158.788			(22.618.158.788)		
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(373.690.833)			373.690.833		
			121	1. Chứng khoán kinh doanh	22.618.158.788	22.618.158.788	
			122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(373.690.833)	(373.690.833)	
131	1. Phải thu khách hàng	74.440.483.812	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.568.551.193	(4.871.932.619)	(1)
132	2. Trả trước cho người bán	4.443.710.344	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.443.710.344	-	
135	5. Các khoản phải thu khác	7.805.766.025	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	33.884.249.640	26.078.483.615	(2)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)	-	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	20.765.761.117	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(20.765.761.117)	(3)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409	6.231.781.409	
258	3. Đầu tư dài hạn khác	550.000.000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	550.000.000	-	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	211.965.036.265	270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	212.405.826.144	440.789.879	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18.581.907.262	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.581.907.262	-	
312	2. Phải trả người bán	3.679.264.649	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	3.679.264.649	-	
313	3. Người mua trả tiền trước	3.549.591.012	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.549.591.012	-	
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	-	
315	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	314	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	-	
316	6. Chi phí phải trả	7.395.102.633	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.038.704.592	(356.398.041)	(4)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.443.204.816	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	4.240.392.736	797.187.920	(5)
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	-	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	-	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124.969.290.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	124.969.290.000	-	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.522.874.670	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	6.050.945.031	3.528.070.361	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	3.528.070.361				(3.528.070.361)	
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	-	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	211.965.036.265	440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	212.405.826.144	440.789.879	



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	-	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
03	Các khoản dự phòng	(4.242.384.895)	03	Các khoản dự phòng	(3.994.594.073)	247.790.822	(6)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(27.644.056.432)	09	Tăng, giảm các khoản phải thu	10.185.038.259	37.829.094.691	(6)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	7.048.475.153	11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi v.	(14.503.582.234)	(21.552.057.387)	(6)
			13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	(16.524.828.126)	(16.524.828.126)	(6)

- (1) Công ty trình bày phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chi tiêu "Phải thu khách hàng" sang chi tiêu "Phải thu ngắn hạn khác";
- (2) Số liệu thay đổi bao gồm:
- Phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chi tiêu "Phải thu khách hàng" sang chi tiêu "Phải thu ngắn hạn khác": 4.871.932.619 đồng;
 - Phân loại trình bày lại số dư nợ của các khoản Tạm ứng sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 20.190.550.996 đồng;
 - Phân loại trình bày lại số dư của các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 1.016.000.000 đồng.
- (3) Số chênh lệch bao gồm số dư còn lại của các khoản dự nợ tạm ứng sau khi được bù trừ 440.789.870 đồng với số dư số dư có của khoản mục tạm ứng tại 01/01/2015 là 19.749.761.117 đồng và số dư ký quỹ, ký cược ngắn hạn 1.016.000.000 đồng tại ngày 01/01/2015 nay được trình bày sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC;
- (4) Điều chỉnh giảm chi tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng sang chi tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" đối với khoản thù lao HĐQT và BKS năm 2014 chưa trả;
- (5) Bao gồm số điều chỉnh từ khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng và khoản số dư có của khoản mục tạm ứng tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày bù trừ với số dư nợ của khoản tạm ứng số tiền 440.789.870 đồng;
- (6) Công ty trình bày lại số liệu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.


Quách Thị Thanh Thủy

Người lập

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016


Cao Lữ Phi Hùng

Kế toán trưởng

**Lương Thanh Tùng**

Tổng Giám đốc